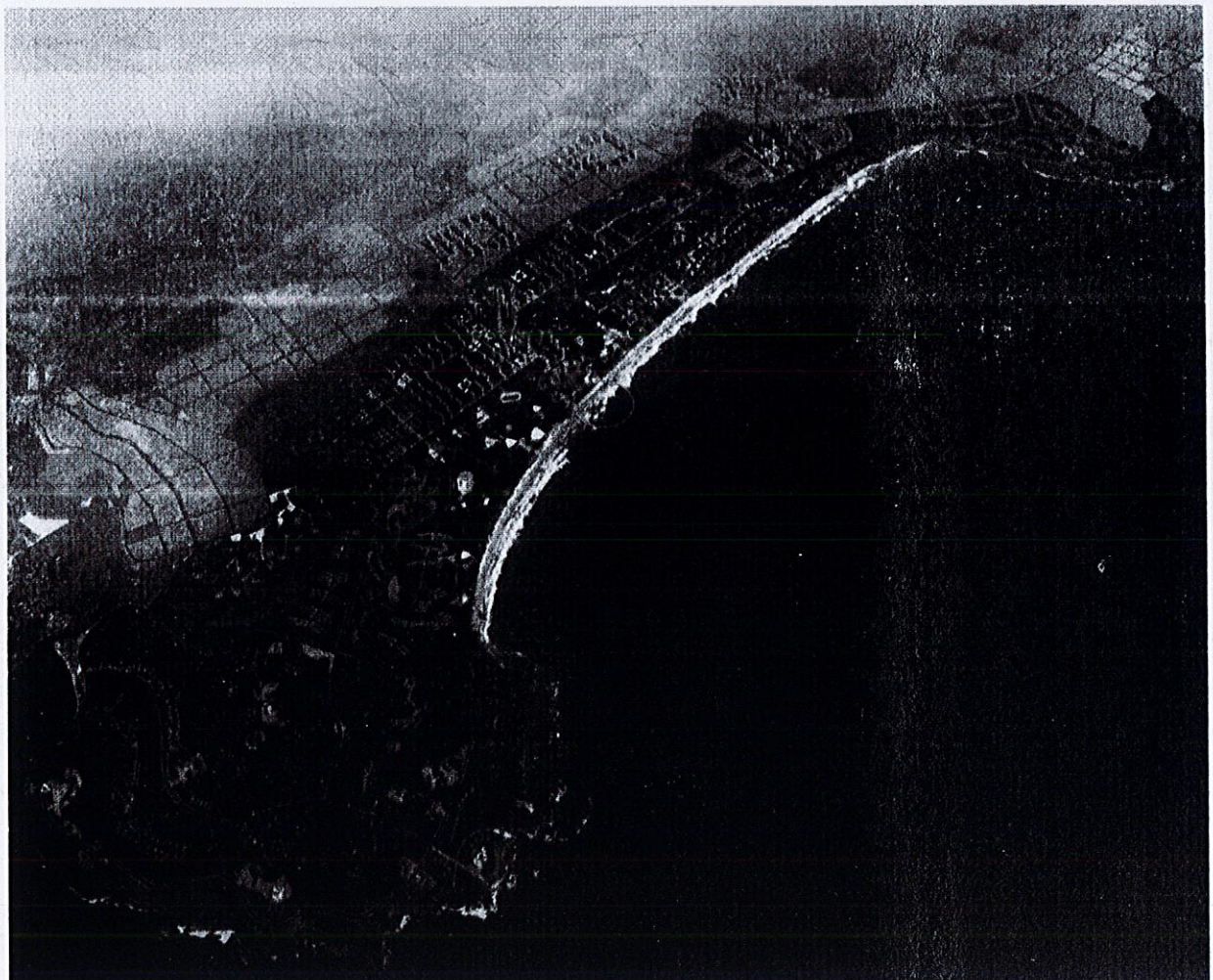


LIÊN DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI N.I.D &
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SA HUỖNH
-----&&&-----

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ
KHU KT DUNG QUẤT VÀ CÁC XÃ, PHƯỜNG LÂN CẬN



Quảng Ngãi, 2025

LIÊN DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI N.I.D &
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SA HUỖNH
----- &&& -----

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ
KHU KT DUNG QUÁT VÀ CÁC XÃ PHƯỜNG LÂN CẬN

MỤC LỤC

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	4
II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU	5
1. Các nội dung về dự án:	5
1.1. Tên dự án:	5
1.2. Địa điểm thực hiện dự án:	5
1.3. Mục tiêu dự án:	5
1.3.1 Mục tiêu dài hạn:	5
1.3.2 Mục tiêu ngắn hạn:	6
1.4. Quy mô và nội dung đầu tư dự án:	6
1.4.1. Phạm vi nghiên cứu đầu tư:	6
1.4.2. Nội dung và quy mô đầu tư:	11
1.5. Vốn đầu tư:	27
1.6. Nguồn vốn đầu tư-Huy động vốn:	31
1.7. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:	31
1.8. Tiến độ thực hiện dự án:	31
2. Đề xuất sử dụng đất:	31
3. Nhu cầu về lao động:	31
4. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:	32
4.1. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất:	32
4.2. Đánh giá tác động của dự án với phát triển kinh tế - xã hội:	32
4.3. Đánh giá sơ bộ tác động của dự án tới môi trường:	32
4.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án:	33
5. Sự phù hợp với quy hoạch và định hướng cấp nước đô thị và công nghiệp. ..	33
5.1 Theo quy hoạch cấp nước.	33
5.2 Định hướng phát triển cấp nước đô thị và công nghiệp.	34
III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ	35
1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:	35
2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:	35
3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:	35
4. Cam kết và kiến nghị của nhà đầu tư:	35

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày tháng năm 2025)

I. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại N.I.D và Công ty Cổ phần dịch vụ Cấp nước Sa Huỳnh.

1.1. Thành viên đứng đầu Liên danh (Đại diện cho các nhà đầu tư):

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI N.I.D

- Tên viết tắt: NIDCO

- Mã số thuế: 0302698616

- Địa chỉ: 81 Hoàng Hữu Nam, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp.HCM, Việt Nam.

- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

- Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐẶNG HỒNG KỲ.

- Điện thoại: 0903715691.

- Năng lực cốt lõi: Với hơn 20 năm hoạt động (từ năm 2002), N.I.D không chỉ có kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại máy móc, thiết bị mà còn đăng ký nhiều ngành nghề liên quan trực tiếp đến dự án như:

+ Ngành 4322: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí, xử lý nước.

+ Ngành 7110: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, thiết kế xây dựng công trình.

+ Ngành 4330: Hoàn thiện công trình xây dựng.

- Kinh nghiệm đa dạng, hiện đã xây dựng vận hành 07 nhà máy nước tại Vĩnh Long, Lâm Đồng, Tp.HCM và năng lực tài chính vững mạnh của N.I.D là nền tảng bảo chứng cho vai trò dẫn dắt, điều phối và đảm bảo sự thành công của dự án.

1.2. Thành viên Liên danh:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SA HUỠNH

Mã số thuế: 4300760471

Địa chỉ: 285 Trần Quang Khải, Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Thu Trang

Điện thoại: +0914384141

Năng lực cốt lõi: Đã xây dựng vận hành 01 nhà máy nước tại Phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi, Am hiểu sâu sắc môi trường đầu tư, hạ tầng và các quy hoạch phát triển tại tỉnh Quảng Ngãi, là yếu tố then chốt để triển khai dự án hiệu quả tại địa phương.

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về dự án:

1.1. Tên dự án:

Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ Khu kinh tế Dung Quất và các xã, phường lân cận

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

- Nhà máy nước:

+ Nhà máy nước An Phú: Xây dựng tại phường Trương Quang Trọng, trên diện tích khoảng 2,58ha

+ Nhà máy nước Bình Tân: Xây dựng tại xã Đông Sơn, trên diện tích khoảng 4,8ha

+ Nhà máy nước Trà Khúc sẽ được triển khai đầu tư theo quy hoạch tỉnh, khi nhu cầu sử dụng vượt công suất 02 Nhà máy nêu trên. Đề nghị Bổ sung quy hoạch vị trí xây dựng nhà máy tại phường Trương Quang Trọng, trên diện tích khoảng 7,62ha..

- Hệ thống tuyến ống: Phủ rộng khắp các khu vực kinh tế, dịch vụ, công nghiệp trọng điểm và khu dân cư của tỉnh, bao gồm:

+ **Tuyến số 1:** Cấp nước cho các xã Đông Sơn (bao gồm các khu vực Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ) và xã Tịnh Khê (bao gồm các khu vực Tịnh Kỳ, Tịnh Khê và KĐT&DL Mỹ Khê cũ....).

+ **Tuyến số 2:** Cấp nước cho phường Trương Quang Trọng (bao gồm khu vực Tịnh An, Tịnh Ấn Đông cũ), xã Tịnh Khê (bao gồm khu vực Tịnh Long, Tịnh Thiện cũ...). Cấp nước cho các KCN trong Khu kinh tế Dung Quất (bao gồm KCN Đô thị Bình Thạnh thuộc địa phận xã Đông Sơn) và các khu đô thị, công nghiệp vệ tinh thuộc xã Bình Sơn, Thọ Phong, Vạn Tường.

+ **Tuyến số 3:** Mở rộng về phía Nam dọc theo tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh gồm Xã Long Phụng, xã Lân Phong, xã Mỏ Cày (qua địa phận huyện Mộ Đức cũ) và Phường Trà Câu (thị xã Đức Phổ cũ).

1.3. Mục tiêu dự án:

Dự án không chỉ là một công trình cấp nước, mà còn là một sứ mệnh kiến tạo nền tảng hạ tầng vững chắc, đi trước một bước để khai mở tiềm năng phát

triển toàn diện cho tỉnh Quảng Ngãi. Các mục tiêu được xác định một cách rõ ràng và mang tầm nhìn dài hạn:

1.3.1 Mục tiêu dài hạn:

- **Kiến tạo hạ tầng, đón đầu phát triển:** Chủ động xây dựng một hệ thống cấp nước quy mô lớn, hiện đại, trở thành đòn bẩy hạ tầng quan trọng, sẵn sàng đáp ứng và thúc đẩy làn sóng đầu tư vào các khu công nghiệp trọng điểm và các khu du lịch đẳng cấp của tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường bền vững:** Cung cấp nguồn nước sạch, an toàn tuyệt đối theo tiêu chuẩn cao nhất của Bộ Y tế, thay thế hoàn toàn các nguồn nước giếng khoan nhỏ lẻ, chưa đảm bảo vệ sinh. Qua đó, dự án trực tiếp nâng cao chất lượng sống và sức khỏe người dân, đồng thời bảo vệ tài nguyên nước ngầm quý giá khỏi nguy cơ cạn kiệt và xâm nhập mặn, hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững.

1.3.2 Mục tiêu ngắn hạn:

* **Giai đoạn 1 (Đến năm 2029):** Khởi công và đưa vào vận hành Nhà máy nước Bình Tân với công suất **10.000 m³/ngày đêm**.

- **Triển khai mạng lưới cấp nước ưu tiên:** Xây dựng đồng bộ mạng lưới tuyến ống truyền dẫn và phân phối, ưu tiên cấp nước cho các khu vực có nhu cầu cấp thiết và tiềm năng phát triển lớn nhất. Căn cứ theo Nghị quyết sáp nhập địa giới hành chính, các khu vực được phục vụ trong giai đoạn đầu bao gồm:

+ **Xã Đông Sơn** (bao trùm các khu vực Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ).

+ **Xã Tịnh Khê** (bao trùm các khu vực Tịnh Kỳ, Tịnh Khê cũ và Khu đô thị Du lịch Mỹ Khê).

+ Các khu công nghiệp, cảng cá, khu đô thị và các hộ dân dọc tuyến.

- **Lộ trình phát triển tương lai (đến năm 2030):** Tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục mở rộng, đầu tư nhà máy nước An Phú với công suất nhà máy lên 30.000 m³/ngày.đêm Cấp nước cho phường Trương Quang Trọng (bao gồm khu vực Tịnh An, Tịnh Ấn Đông cũ), xã Tịnh Khê (bao gồm khu vực Tịnh Long, Tịnh Thiện cũ...). Cấp nước cho các KCN trong Khu kinh tế Dung Quất (bao gồm cả KCN Đô thị Bình Thanh thuộc địa phận xã Đông Sơn) và các khu đô thị, công nghiệp vệ tinh thuộc xã Bình Sơn, Thọ Phong, Vạn Tường.

Và tiến tới đầu tư hoàn thiện dự án đạt công suất 160.000 m³/ngày đêm trong các giai đoạn tiếp theo, song hành cùng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Quy mô và nội dung đầu tư dự án:

1.4.1. Phạm vi nghiên cứu đầu tư:

1.4.1.1. Sự cần thiết đầu tư:

Nước sạch không chỉ là nhu cầu thiết yếu trong đời sống mà còn là nền tảng của an sinh xã hội và là thước đo cho sự phát triển. Tại Quảng Ngãi, cùng với sự

phát triển kinh tế - xã hội năng động, việc đảm bảo nguồn nước an toàn, đáp ứng đủ cho sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất, dịch vụ đang trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh đó, cùng với chủ trương của Chính phủ khuyến khích tư nhân hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật, Liên danh nhà đầu tư chúng tôi nhận thấy đây là thời điểm vàng để thực hiện. Với đầy đủ năng lực, kinh nghiệm và tiềm lực tài chính, chúng tôi mong muốn được chung tay cùng tỉnh Quảng Ngãi kiến tạo một tương lai bền vững, mang nguồn nước sạch đạt tiêu chuẩn cao nhất của Bộ Y tế (QCVN 01-1:2018/BYT) đến với người dân và doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, chúng tôi trân trọng đề xuất thực hiện dự án:

"Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ Khu Kinh tế Dung Quất và các xã, phường lân cận".

1.4.1.2. Phạm vi nghiên cứu của dự án:

Dự án được nghiên cứu với quy mô sâu rộng, bao phủ các khu vực động lực kinh tế và các vùng dân cư trọng điểm của tỉnh, cụ thể:

- Các khu dân cư, khu đô thị, cụm công nghiệp và khu công nghiệp tại **xã Đông Sơn** (bao gồm các khu vực Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú, Bình Thanh cũ) và Phường Trương Quang Trọng (Tịnh An, Tịnh Ấn Đông cũ), **xã Tịnh Khê** (bao gồm các khu vực Tịnh Kỳ, KĐT&DL Mỹ Khê cũ), Thọ Phong, và cung cấp cho một phần xã Vạn Tường.

- Các khu đô thị và công nghiệp chiến lược trong Khu kinh tế Dung Quất như Khu đô thị Nam sân bay Chu Lai, Khu Công nghiệp đô thị Bình Hòa và **xã Bình Sơn**.

- Bỏ sung Mở rộng phạm vi cấp nước về phía Nam, cấp nước cho **xã An Phú** (bao gồm các khu vực Nghĩa Hà cũ), các khu vực thuộc **xã Tư Nghĩa** (Nghĩa Thương, Nghĩa Hòa cũ), **xã Vệ Giang** (Nghĩa Hiệp cũ) và dọc theo tuyến đường ven biển Sa Huỳnh - Dung Quất gồm Xã Long Phụng, xã Tân Phong, xã Mỹ Cày (qua địa phận huyện Mộ Đức cũ) và Phường Trà Câu (thị xã Đức Phổ cũ).

1.4.1.3. Các căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP

ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;
- Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị định số 12/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây Dựng về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sinh hoạt;
- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/2/2023 của thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045.
- Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Hướng dẫn của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành Luật đầu tư.
- Văn bản góp ý của các sở ngành và các văn bản Pháp luật liên quan khác;

1.4.1.4. Hiện trạng sử dụng nước trên địa bàn:

Qua khảo sát thực tế tại các địa bàn trọng điểm của dự án, một thực trạng đáng báo động đã được ghi nhận: 100% các khu dân cư và cơ sở kinh doanh tại đây đang phụ thuộc hoàn toàn vào mô hình sử dụng nước giếng khoan tự phát, vận hành nhỏ lẻ và chưa qua xử lý tập trung đạt chuẩn.

Sự phụ thuộc này không chỉ tiềm ẩn rủi ro lớn về an toàn vệ sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, mà còn gây áp lực nặng nề lên tài nguyên nước ngầm, dẫn đến nguy cơ cạn kiệt và xâm nhập mặn trong dài hạn.

Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng nước tại các khu vực lõi (sau sáp nhập):

Stt	Khu vực (theo tên hành chính mới)	Hiện trạng sử dụng nước	Phân tích Rủi ro & Bất cập
	Xã Đông Sơn (bao gồm các xã Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ)	Sử dụng giếng khoan	Nguồn nước không ổn định, rủi ro cao về nhiễm phèn, nhiễm mặn, không đáp ứng được các tiêu chuẩn vệ sinh cho ăn uống và sinh hoạt.
	Xã Tịnh Khê (bao gồm các xã Tịnh Kỳ, Tịnh Khê cũ và Khu đô thị Du lịch Mỹ Khê)	Sử dụng giếng khoan	Chất lượng nước không được kiểm soát, không chỉ ảnh hưởng đến đời sống người dân mà còn là một rào cản lớn đối với việc phát triển các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp tại KĐT&DL Mỹ Khê.

1.4.1.5. Hiện trạng về nguồn nước trên địa bàn:

Việc lựa chọn một nguồn nước bền vững, có trữ **lượng** dồi dào và chất lượng đảm bảo là yếu tố tiên quyết quyết định sự thành công và hiệu quả lâu dài của dự án. Dựa trên khảo sát và phân tích toàn diện, nguồn nước mặt từ sông Trà Khúc, đặc biệt là sau khi có công trình đập dâng, được xác định là lựa chọn tối ưu nhất.

*** Sông Trà Khúc - Nguồn tài nguyên Nước mặt chiến lược**

Sông Trà Khúc không chỉ là con sông lớn nhất tỉnh Quảng Ngãi mà còn là nguồn tài nguyên nước mặt quan trọng nhất, đóng vai trò **như** một "động mạch chủ" cho toàn bộ vùng đồng bằng ven biển, nơi tập trung **phần** lớn dân cư và hoạt động kinh tế của tỉnh.

- Đặc điểm Thủy văn:

- + Với lưu vực rộng lớn (3.240 km²) và được **nuôi** dưỡng bởi lượng mưa trung bình hàng năm lên đến 2.295 mm, **sông** Trà Khúc mang một trữ lượng nước khổng lồ.
- + Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình thượng nguồn **đốc**, dòng chảy của sông có sự biến động lớn giữa các mùa: lũ lên **rất** nhanh và mạnh trong mùa mưa (với biên độ 3-5 m), nhưng lưu **lượng** lại giảm đáng kể trong mùa khô (dưới 100 m³/s).

- Giải pháp Điều tiết và Nâng tầm giá trị:

- + Sự biến động này cho thấy sự cần thiết phải có công trình điều tiết. Đập dâng ngăn mặn Trà Khúc sau khi được hoàn thành sẽ là một công trình mang tính bước ngoặt.
- + Công trình này không chỉ giải quyết vấn đề xâm nhập mặn mà còn tạo ra một hồ chứa nước ngọt ổn định và cực kỳ dồi dào ngay tại trung tâm khu vực dự án. Đây chính là sự đảm bảo vững chắc nhất cho một nguồn cung cấp nước thô chất lượng cao, quy mô lớn và bền vững cho nhà máy.

- Đánh giá các Nguồn nước Thay thế

Bên cạnh nguồn nước chính từ sông Trà Khúc, nhà đầu tư cũng đã khảo sát các nguồn nước mặt khác trong khu vực, cụ thể là hệ thống kênh thủy lợi hiện có:

+ **Kênh B10:** Thuộc địa phận **xã Đông Sơn** (khu vực xã Tịnh Hòa cũ), có khả năng cung cấp khoảng 24.000 m³/ngày đêm.

+ **Kênh B3:** Thuộc địa phận **xã Bình Sơn** (khu vực xã Bình Dương cũ), có khả năng cung cấp khoảng 15.000 m³/ngày đêm.

*** Khả năng cung cấp nước của kênh Thạch Nham:**

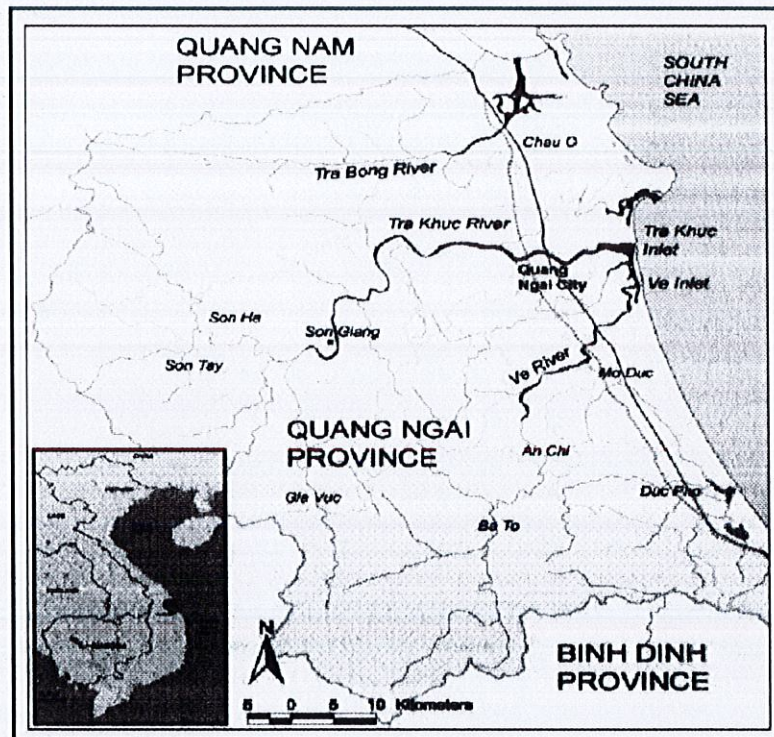
- Theo Công văn 1306/CT ngày 10/10/2019 của Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Quảng Ngãi về việc cung cấp thông tin lưu lượng của công trình thủy lợi Thạch Nham; hệ thống thủy lợi Thạch Nham bao gồm kênh thủy lợi B10, B3, B3-15 và B3-16.

Bảng tính toán cân bằng lưu lượng (Q) phục vụ cho các mục đích sử dụng nước:

STT	Lưu lượng	Đ. vị		Ghi chú	Thời gian cắt nước
		m ³ /s	m3/ngày		
I. Kênh B10					
1	Q cuối kênh	0,820	70.848		- Sau vụ Đông Xuân: từ 20/4 đến 15/5
2	Q Công nghiệp Đã cấp	0,463 -0,260	40.003 22.464		
3	Q nuôi trồng thủy sản	0,052	4.493		- Sau vụ Hè Thu: từ 30/8 đến 10/12
4	Q sinh hoạt	0,075	6.480		
Tổng (2+3+4)		0,387	33.437		
Tổng nước còn dư		0,433	37.411		

Mặc dù hệ thống kênh thủy lợi có thể đáp ứng nhu cầu cho các dự án cấp nước với quy mô nhỏ và cục bộ, nhưng trữ lượng của các kênh này là **không đủ lớn và thiếu tính ổn định** để đáp ứng nhu cầu khổng lồ và ngày càng tăng của toàn bộ Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp vệ tinh và các đô thị trong phạm vi dự án (lên đến 160.000 m³/ngày đêm).

Do đó, việc lựa chọn nguồn nước từ hồ chứa được tạo ra bởi **đập dâng Trà Khúc** là một quyết định mang tính chiến lược, đảm bảo dự án có một nguồn cung cấp nước thô không chỉ dồi dào về trữ lượng mà còn ổn định quanh năm, đáp ứng trọn vẹn tầm nhìn và quy mô phát triển của dự án.



Hình H1: Vị trí địa lý và mạng lưới sông chính trong tỉnh Quảng Ngãi

1.4.2. Nội dung và quy mô đầu tư:

1.4.2.1. Định hướng cấp nước chung

Để đáp ứng được nhu cầu cấp nước của KKT Dung Quất và các xã phường (Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Khê...) thì đề xuất định hướng cấp nước được chia thành 4 khu vực như sau:

a. Khu vực 1:

- Cung cấp nước cho KCN Đông Dung Quất và các khu vực thuộc **xã Vạn Tường** (bao gồm khu vực Bình Phước, Bình Hòa và KĐT Vạn Tường cũ)

Tính toán nhu cầu dùng nước

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Khu đô thị			
a	Khu đô thị	9,158	83,000	Người
b	Ngoại đô Dung Quất	27,467		Người
	Làm tròn	6,000	17,000	m3/ngày đêm
II	Khu Công Nghiệp			
	KCN Phía Đông Dung Quất			
	CN-Bình Phước Bình Hòa			
	Làm tròn	82,000	100,000	m3/ngày đêm
III	Tổng hợp nhu cầu dùng nước	88,000	117,000	m3/ngày đêm

Khả năng cung cấp nước hiện tại

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Nhà máy hiện hữu			
	NMN Vinaconex	22,000		m3/ngày đêm
	Trạm bơm NT Hòa Phát	50,000		m3/ngày đêm
	Làm tròn	72,000		m3/ngày đêm

Như vậy trước mắt khu vực này tạm đủ, trong tương lai sẽ mở rộng nhà máy nước hiện có Vinaconex để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

b. Khu vực 2:

- Cung cấp nước cho KCN Tây Dung Quất và KĐT Dốc Sỏi, Tây Sông Trà Bồng

Tính toán nhu cầu dùng nước

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Khu đô thị			
a	Khu đô thị		42,000	Người
b	Ngoại đô	25,332		Người
	Làm tròn	4,000	9,000	m3/ngày đêm
II	Khu Công Nghiệp			
a	KCN Phía Tây Dung Quất			
	Làm tròn	31,000	34,000	m3/ngày đêm
III	Tổng hợp nhu cầu dùng nước	35,000	43,000	m3/ngày đêm

Khả năng cung cấp nước hiện tại

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Nhà máy hiện hữu			
	NMN Bình Thạnh	400		m3/ngày đêm
	NMN KCN Sài Gòn-Dung Quất	960		m3/ngày đêm
	Làm tròn	1,360		m3/ngày đêm

Trước mắt sử dụng nguồn nước hiện trạng. Trong tương lai sẽ sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sông Trà Khúc.

c. Khu vực 3

- Cung cấp nước cho KCN Tịnh Phong và KĐT Tịnh Phong (nay thuộc địa phận xã Thọ Phong)

Tính toán nhu cầu dùng nước

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Khu đô thị			
a	Khu đô thị		20,000	Người
b	Ngoại đô	17,378		Người
	Làm tròn	3,000	4,000	m3/ngày đêm
II	Khu Công Nghiệp			
a	CN Tịnh Phong			

	Làm tròn	25,000	29,000	m3/ngày đêm
III	Tổng hợp nhu cầu dùng nước	28,000	33,000	m3/ngày đêm

Khả năng cung cấp nước hiện tại

TT	Nội dung	Hiện trạng	2030	Đơn vị
I	Nhà máy hiện hữu			
	NMN KCN VSHIP	20,000		m3/ngày đêm
	NMN TP Quảng Ngãi	25,000		m3/ngày đêm
	Làm tròn	45,000		m3/ngày đêm

Trước mắt khu vực này đủ khả năng cung cấp nước. Trong tương lai sẽ mở rộng nhà máy nước hiện có VSIP để đáp ứng nhu cầu.

Khu vực 4: Giải pháp Cấp nước toàn diện và Lộ trình thực hiện

Khu vực 4 là tâm điểm của dự án, nơi Nhà máy nước An Phú được xây dựng để trở thành hạt nhân cung cấp nước cho ngoại ô Trung tâm tỉnh lỵ (*thành phố Quảng Ngãi cũ*), Khu kinh tế Dung Quất và các vùng lân cận. Với tổng công suất thiết kế lên đến 160.000 m³/ngày đêm (Nhà máy nước Trà Khúc), nhà máy không chỉ đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của Khu vực 4 mà còn đóng vai trò bổ sung, đảm bảo an ninh nguồn nước cho Khu vực 2 và các khu vực khác khi cần thiết.

Để đảm bảo hiệu quả đầu tư và bám sát nhu cầu phát triển thực tế của tỉnh, một lộ trình phân kỳ đầu tư thông minh được đề xuất như sau:

Giai đoạn 1 (Đến 2029): Khởi tạo nền tảng vững chắc

*** Khu vực 1: Nhà máy nước Bình Tân có Công suất 10.000 m³/ngày đêm.**

- Phạm vi phục vụ khu vực 1: Giai đoạn đầu tập trung giải quyết nhu cầu cấp bách tại các khu vực ven biển, khu du lịch và các vùng dân cư đang phụ thuộc hoàn toàn vào nước giếng khoan rủi ro. Cụ thể (theo tên hành chính mới):

+ Xã Đông Sơn (*bao trùm các khu vực Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ*).

+ Xã Tịnh Khê (*bao trùm các khu vực Tịnh Kỳ, Tịnh Khê cũ và Khu đô thị Du lịch Mỹ Khê*).

+ Khu đô thị dịch vụ Đông Nam Dung Quất (Bổ sung nguồn nước cho nhà Máy nước Bình Tân theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi).

+ Nguồn nước: Lấy từ kênh thủy lợi B10 và được cấp bổ sung từ nước mặt sông Trà Khúc.

*** Khu vực 2 Nhà máy nước An Phú (Đến 2030): Mở rộng đáp ứng nhu cầu công nghiệp**

- Công suất: Nâng tổng công suất lên 40.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Được cấp từ nước mặt sông Trà Khúc.
- Phạm vi phục vụ: Mở rộng mạng lưới để cấp nước cho các khu công nghiệp và đô thị mới, là động lực tăng trưởng chính của Khu kinh tế Dung Quất:
 - + Khu dân cư, Khu đô thị, Công nghiệp và TMDV trên địa bàn phường Trương Quang Trọng.
 - + Các khu vực còn lại của xã Tịnh Khê (bao gồm Tịnh Long, Tịnh Thiện cũ).
 - + Khu đô thị thuộc xã Bình Sơn, Đông Sơn, Thọ Phong, Vạn Tường...
 - + KCN Dung Quất 2 (Bổ sung nguồn nước).
 - + KCN Đô thị Bình Thanh (thuộc địa phận xã Đông Sơn).

Giai đoạn 2 (Đến 2041): Hoàn thiện mạng lưới, phủ kín toàn vùng

- Công suất: Đạt tổng công suất thiết kế 160.000 m³/ngày đêm.
- Nguồn nước: Được cấp từ nước mặt sông Trà Khúc.
- Phạm vi phục vụ: Hoàn thiện và phủ kín mạng lưới, cấp nước cho toàn bộ các khu vực của Giai đoạn 1, 2 và mở rộng đến các khu vực dân cư, đô thị quan trọng khác để đảm bảo sự phát triển đồng bộ:
 - + Xã An Phú (bao gồm An Phú, Nghĩa Hà cũ).
 - + Các khu vực thuộc xã Tư Nghĩa (Nghĩa Hòa, Nghĩa Thương cũ) và xã Vệ Giang (Nghĩa Hiệp cũ).
 - + Dọc theo tuyến đường ven biển Sa Huỳnh - Dung Quất gồm Xã Long Phụng, xã Tân Phong, xã Mỹ Cày (qua địa phận huyện Mộ Đức cũ) và Phường Trà Câu (thị xã Đức Phổ cũ).

** Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, trên cơ sở nhu cầu cấp nước theo từng lĩnh vực, nhu cầu của địa phương, Nhà đầu tư có thể thay đổi lộ trình đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế.*

1.4.2.2 Đề xuất cấp nước khu vực 4:

a) Dự báo nhu cầu dùng nước :

Theo Niên giám thống kê tỉnh năm 2021 dân số được thống kê như sau:

Dự báo dân số khu đô thị và khu ngoại ô Dung Quất, ngoại ô thành phố Quảng Ngãi.

STT	Tên xã	Dân số hiện trạng năm 2021 (người)	2022 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi	2030 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi(cũ)	2030 Khu vực đô thị
1	Khu đô thị	0	0	0	95000
	Xã Đông Sơn (khu vực Bình Châu)	0	0	0	65000

STT	Tên xã	Dân số hiện trạng năm 2021 (người)	2022 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi	2030 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi(cũ)	2030 Khu vực đô thị
	Xã Đông Sơn & Xã Tịnh Khê (khu vực Tịnh Hòa - Tịnh Kỳ cũ)	0	0	0	30000
2	Ngoại đô Dung Quất	24.881	25.381	27.212	
	Xã Đông Sơn (khu vực Bình Châu, Bình Tân, Bình Phú cũ)				
3	Ngoại ô thành phố Quảng Ngãi cũ	43.935	44.605	47.058	
	Xã Tịnh Khê (khu vực Tịnh Kỳ cũ)	10.192	10.397	11.147	
	Xã Đông Sơn (khu vực Tịnh Hòa cũ)	9.652	9.846	10.556	
	Xã Tịnh Khê, KDL&DT Mỹ Khê	24.091	24.362	25.355	
	Tổng	68.816	69.986	74.270	95.000

(Theo Niên giám thống kê thành phố Quảng Ngãi năm 2021)

Để đảm bảo tính chính xác và khoa học, toàn bộ việc dự báo nhu cầu dùng nước cho dự án được thực hiện dựa trên các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Việt Nam.

Cơ sở pháp lý kỹ thuật chính được áp dụng là **Bảng 2, Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13606:2023: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế**. Theo đó, các thông số nền tảng để tính toán bao gồm:

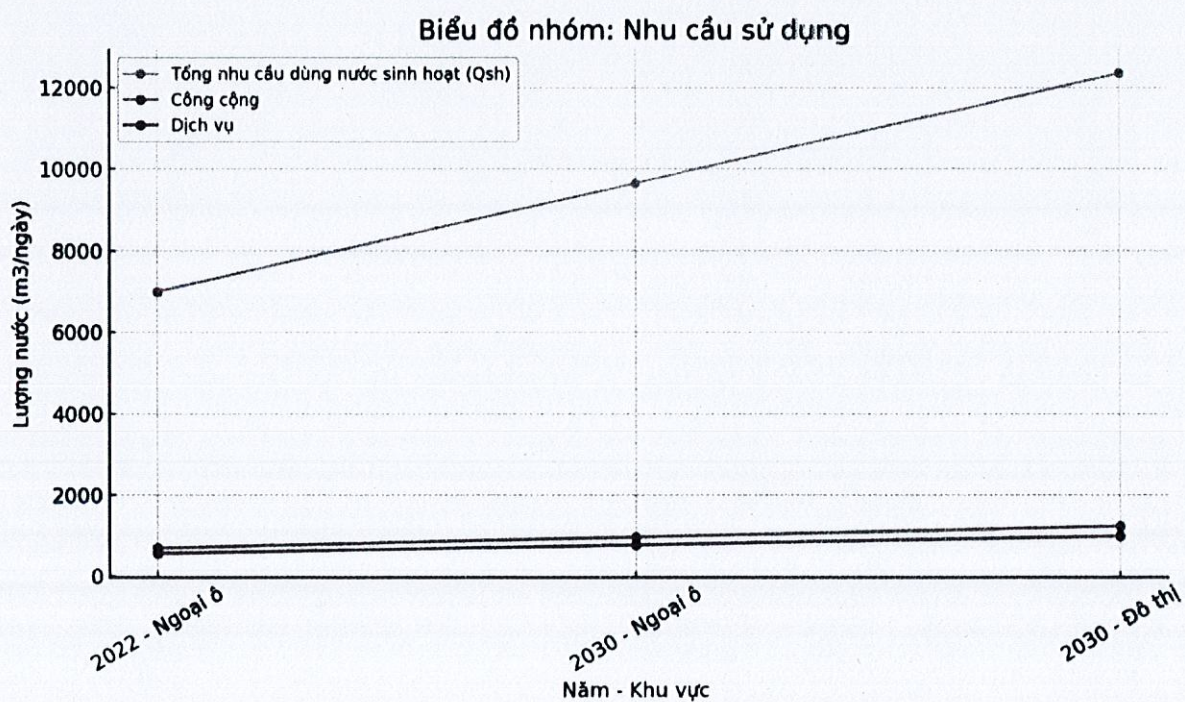
- + **Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:** Đối với các khu vực là điểm dân cư nông thôn và ngoại ô, tiêu chuẩn cấp nước được áp dụng là từ **100 – 130 lít/người/ngày đêm**.
- + **Tỷ lệ dân số được cấp nước:** Dự án đặt mục tiêu phù rộng, với tỷ lệ dân số được tiếp cận nguồn nước sạch từ hệ thống tập trung đạt từ **95% đến 100%**.
- + **Nhu cầu dùng nước tổng hợp:** Ngoài nước sinh hoạt, nhu cầu tổng hợp còn được tính toán bao gồm các thành phần quan trọng khác như: nước cho các công trình công cộng, dịch vụ - thương mại, hoạt động công nghiệp, tưới cây, rửa đường, và tỷ lệ thất thoát nước dự kiến trên mạng lưới.

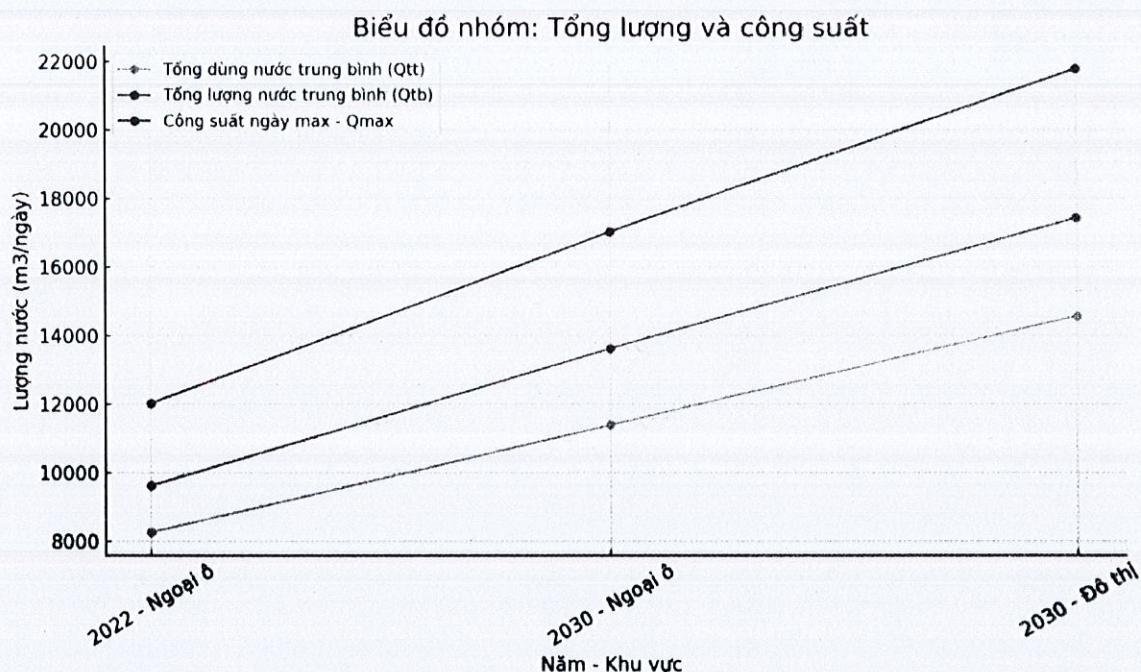
Việc áp dụng các tiêu chuẩn này đảm bảo rằng quy mô công suất của nhà máy được thiết kế phù hợp, đáp ứng đầy đủ và đa dạng các nhu cầu của khu vực, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.

BẢNG TÍNH TOÁN NHU CẦU DÙNG NƯỚC

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2022 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi	Năm 2030 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi cũ	Năm 2030 Khu vực đô thị
I	Dân số		69,986	74,270	95,000
II	Tỷ lệ Dân số được cấp nước		100%	100%	100%
III	Dân số được cấp nước	người	69,986	74,270	95,000
II	Tiêu chuẩn cấp nước				
1	Tiêu chuẩn dùng nước cho nhu cầu sinh hoạt	l/người.ngđ	100	130	130
2	Tiêu chuẩn cấp nước công cộng (% Qsh)	%	10%	10%	10%
3	Tiêu chuẩn cấp nước dịch vụ-thương mại (% Qsh)	%	8%	8%	8%
4	Tỷ lệ thất thoát - % Qtt	%	12%	15%	15%
5	Nước cho yêu cầu riêng của nhà máy	%	4%	4%	4%
6	Hệ số dùng nước ngày max - Kngày max =		1,25	1,25	1,25
III	Lưu lượng				
A	Đô Thị		10.000	18.000	22.000
1	Tổng nhu cầu nước sinh hoạt (Qsh)	m3/ngày	6.999	9.655	12.350
2	Lượng nước cấp cho nhu cầu công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa.....)	m3/ngày	700	966	1.235
3	Lưu lượng nước cấp cho nhu cầu thương mại dịch vụ	m3/ngày	560	772	988
4	Tổng nhu cầu dùng nước trung bình (Qtt)	m3/ngày	8.258	11.393	14.573
5	Lượng nước thất thoát (%Qtt)	m3/ngày	991	1.709	2.186
6	Nước cho yêu cầu riêng của nhà máy	m3/ngày	370	524	670
7	Tổng lượng nước trung bình ngày	m3/ngày	9.619	13.626	17.429

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2022 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi	Năm 2030 khu vực ngoại ô Dung Quất, tp Quảng Ngãi cũ	Năm 2030 Khu vực đô thị
	(Qtb)				
8	Hệ số dùng nước ngày max - Kngày max =		1,25	1,25	1,25
9	Công suất ngày max - Qmax	m3/ngày	12.024	17.032	21.787
10	Công suất ngày max - Qmax - làm tròn	m3/ngày	10.000	18.000	22.000
B	Công nghiệp				200.875
1	Khu công nghiệp Bắc Dung Quất				68.000
2	Khu công nghiệp Châu Ô, Bình Long				85.875
3	Khu công nghiệp Nam Dung Quất				47.000
C	Các khu vực khác				43.000
1	Khu vực 2				43.000
	Tổng (làm tròn)		10.000	18.000	270.000





Để đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch của toàn vùng, dự án Nhà máy nước được đầu tư xây dựng với tổng công suất thiết kế là 160.000 m³/ngày đêm. Lượng nước còn thiếu sẽ do các dự án khác và nhà máy nước hiện trạng cung cấp.

Lộ trình đầu tư và phân kỳ công suất:

Việc đầu tư được phân chia thành 02 giai đoạn rõ ràng, bám sát tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực:

- Giai đoạn 1 (Đến năm 2030)

+ **Tổng Công suất:** Xây dựng 02 nhà máy với công suất 40.000 m³/ngày đêm (Bao gồm Nhà máy nước Bình Tân: 10.000 m³/ngày đêm và Nhà máy nước An Phú 30.000 m³/ngày đêm).

+ **Phạm vi cung cấp:** Cung cấp nước cho các khu vực ven biển, du lịch và dân cư cấp thiết, bao gồm xã Đông Sơn (khu vực Tịnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ) và xã Tịnh Khê (khu vực Tịnh Kỳ, Tịnh Khê cũ và KĐT&DL Mỹ Khê). Phường Trương Quang Trọng (khu vực Tịnh An cũ), các khu vực còn lại của xã Tịnh Khê (Tịnh Long, Tịnh Thiện cũ). Mở rộng cấp nước cho các khu công nghiệp và đô thị mới trên địa bàn KTT Dung Quất, bao gồm KCN Dung Quất 2, KCN Đô thị Bình Thanh (thuộc địa phận xã Đông Sơn), xã Bình Sơn, Thọ Phong, Vạn Tường khi Nhà máy, xí nghiệp có nhu cầu sử dụng nước.

- Giai đoạn 2 (Đến năm 2041)

+ **Công suất:** Hoàn thiện dự án, tăng thêm 120.000 m³/ngày đêm để đạt tổng công suất thiết kế 160.000 m³/ngày đêm.

+ **Phạm vi cung cấp:** Bổ sung, mở rộng phủ kín mạng lưới, cấp nước cho toàn bộ các khu vực xã An Phú, các khu vực thuộc xã Tư Nghĩa và xã Vệ Giang, cùng với tuyến đường ven biển Sa Huỳnh - Dung Quất

gồm Xã Long Phụng, xã Lân Phong, xã Mỏ Cày (qua địa phận huyện Mộ Đức cũ) và Phường Trà Câu (thị xã Đức Phổ cũ).

*** Việc Xây dựng hệ thống cấp nước Trà Khúc**

Dự án tuân thủ nghiêm ngặt định hướng quy hoạch của tỉnh, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt từ sông Trà Khúc, coi đây là giải pháp khai thác bền vững và lâu dài. Việc này giúp bảo vệ tài nguyên nước ngầm và đảm bảo an ninh nguồn nước cho tương lai. Đặc biệt, công trình **đập dâng Trà Khúc** sau khi hoàn thành sẽ tạo ra một hồ chứa nước ngọt ổn định với công suất khai thác lên đến **176.000 m³/ngày đêm**, là sự bảo chứng vững chắc nhất cho nguồn nước thô của dự án. Khi nhu cầu sử dụng vượt công suất 02 nhà máy đã được đầu tư. Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, Nhà Đầu tư kính đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung vị trí Nhà máy nước Trà Khúc vào quy hoạch như sau:

Vị trí xây dựng nhà máy Trà Khúc (đề xuất bổ sung đảm bảo theo QH chung tỉnh Quảng Ngãi): Nhà máy nước Trà Khúc được quy hoạch tại một vị trí chiến lược thuộc phường Trương Quang Trọng,

*** Về Giải pháp công nghệ xử lý nước:**

Công nghệ xử lý nước được lựa chọn phù hợp với đặc trưng nguồn nước mặt kênh thủy lợi. Các yếu tố mà nguồn nước cần xử lý để đạt chất lượng nước ăn uống là độ đục, hàm lượng cặn lơ lửng, các yếu tố về vi chất..vv. Đặc biệt do hiện nay biến đổi khí hậu khó lường và các yếu tố môi trường thời tiết thay đổi diễn biến phức tạp do đó công nghệ xử lý phải đảm bảo an toàn, thích nghi và phù hợp với các tình huống thay đổi của chất lượng nước nguồn. Công nghệ xử lý nước phải đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 01-1:2018/BYT tại thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018.

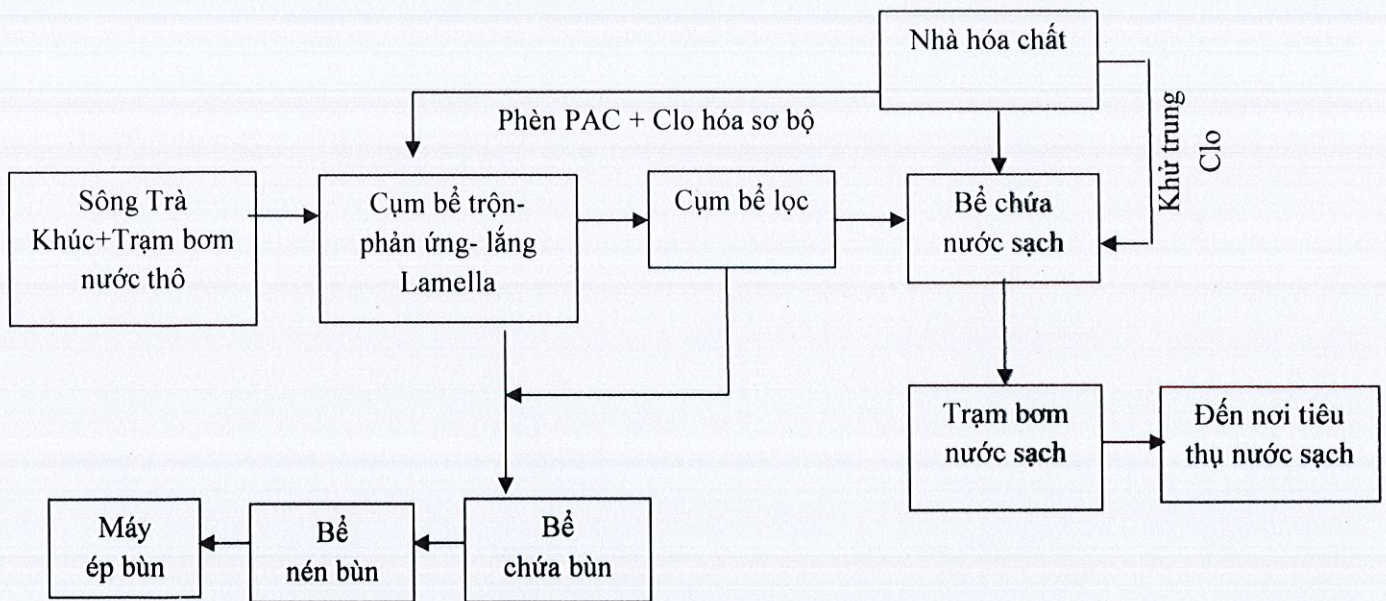
Theo phân tích các yếu tố của nguồn nước sông, cùng với tham khảo của các nhà máy nước sạch đang sử dụng nguồn nước sông và kinh nghiệm đầu tư xây dựng các nhà máy nước mặt đã và đang hoạt động. Chúng tôi đề xuất áp dụng dây chuyền công nghệ xử lý có tính đến các yếu tố:

+ Dây chuyền công nghệ tiên tiến, phù hợp với xử lý chất lượng nguồn nước hiện tại và có phương án dự phòng cho tương lai khi chất lượng nước nguồn có biến đổi do các yếu tố tác động của tự nhiên và con người, hoặc các sự cố môi trường trong thời gian ngắn.

+ Giải pháp công nghệ đảm bảo các yếu tố thân thiện môi trường, chi phí đầu tư, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng phù hợp.

Dự án không sử dụng công nghệ thuộc danh mục hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ tại điểm e, khoản 1, điều 33 Luật đầu tư; Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chuyển giao công nghệ”. Công nghệ sử dụng cho dự án là công nghệ truyền thống trong lĩnh vực xử lý nước sạch.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ dự kiến:



b.4.3. Các hạng mục công trình nhà máy xử lý nước sạch:

Để đảm bảo hiệu quả trong đầu tư và vận hành khi nhà máy hoạt động. Chúng tôi đề xuất đối với các cụm xử lý chính được đầu tư như sau:

* Giai đoạn 1: Năm 2025÷2030

- Nhà máy nước Bình Tân

+ Các cụm công trình như: Công trình thu và trạm bơm nước thô được xây dựng với công suất $Q=10.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ và có đất hành lang bảo vệ công trình cấp nước.

+ Cụm bể trộn, phản ứng, lắng lamen và cụm bể lọc sẽ đầu tư xây cụm bể có công suất xử lý tương đương $Q=10.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Xây dựng thêm trạm bơm tăng áp (nếu cần).

+ Bể chứa được xây dựng với dung tích 10.000 m^3

+ Các cụm công trình như: Trạm bơm nước sạch, rửa lọc, nhà hóa chất...vv các kết cấu bao che sẽ được tính toán xây dựng cho đảm bảo công suất thiết kế.

(Sẽ chuẩn xác trong quá trình lập và phê duyệt dự án đầu tư)

+ Nguồn nước: Lấy từ kênh thủy lợi B10 và được cấp bổ sung từ nước mặt sông Trà Khúc.

- Nhà máy nước An Phú

+ Công trình thu và trạm bơm nước thô: Lắp đặt thêm thiết bị để đáp ứng công suất $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Xây dựng cụm bể trộn, phản ứng, lắng lamen và cụm bể lọc sẽ đầu tư xây cụm bể có công suất xử lý tương đương $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Bể chứa được xây dựng với dung tích 30.000 m^3

+ Xây dựng thêm trạm bơm tăng áp (nếu cần).

(Sẽ chuẩn xác trong quá trình lập và phê duyệt dự án đầu tư)

+ Nguồn nước: Lấy từ nước mặt sông Trà Khúc.

*** Giai đoạn 2: Năm 2038÷2041**

+ Tiến hành lắp đặt thêm thiết bị cho trạm bơm nước thô và xây dựng thêm tuyến ống nước thô cho giai đoạn sau 2040 tại vị trí dự phòng.

+ Xây dựng thêm dây chuyền xử lý có công suất 120.000 m³/ngày đêm.

+ Nguồn nước: Lấy từ nước mặt sông Trà Khúc.

** Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, trên cơ sở nhu cầu cấp nước theo từng lĩnh vực, nhu cầu của địa phương, Nhà đầu tư có thể thay đổi lộ trình đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế.*

c.2.5. Thông số kỹ thuật chính cho các công trình xử lý và công trình phụ trợ giai đoạn 1:

Sơ đồ quy trình công nghệ dự kiến:

Công trình thu, trạm bơm nước thô → Bể trộn (*Phèn PAC*) → bể phản ứng → Bể lắng Lamen → Bể lọc nhanh → (*Clo khử trùng*) Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp II → Tuyến ống dẫn nước sạch.

+ Nước từ thô từ trạm bơm nước thô được đưa đến bể trộn, tại đây phèn PAC được châm vào trước khi nước tự chảy qua bể phản ứng; trong bể phản ứng xảy ra quá trình keo tụ, tạo bông, các bông cặn có kích thước lớn dần.

+ Sau đó, nước tự chảy vào bể lắng Lamen; tại đây, các bông cặn có trọng lượng lớn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Những hạt cặn nhỏ còn lại không lắng được tại bể lắng Lamen sẽ được giữ lại tại bể lọc nhanh.

+ Nước sạch sau bể lọc Aquazur V được dẫn sang bể chứa nước sạch. Dung dịch Clo được châm vào trên đường ống dẫn nước vào bể chứa nước sạch để khử trùng.

+ Nước sau khử trùng là nước sạch đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế sẽ được bơm cấp 2 bơm từ bể chứa vào tuyến ống truyền tải nước sạch để đấu nối với mạng lưới phân phối đến các hộ dùng nước. Trên đường ống dẫn nước sạch luôn luôn được duy trì hàm lượng clo dư đảm bảo tiêu chuẩn cho phép để tránh nước sạch bị tái nhiễm khuẩn.

+ Việc điều hoà lưu lượng và áp lực nước trên mạng lưới giữa các giờ dùng nước trong ngày thông qua hệ thống biến tần.

c.2.6. Giải pháp xây dựng:

- Trạm bơm cấp 1:

- + Công trình thu nước kiểu gần bờ, kết cấu bê tông cốt thép, nhà trạm bơm cấp 1 đáp ứng đủ cho công suất 160.000 (m³/ngày đêm).
- + Lắp đặt bơm nước thô đáp ứng công suất giai đoạn 1 là 10.000 (m³/ngày đêm).
- + Lắp đặt song chắn rác, lưới chắn rác, hệ thống đường ống, van khóa, phụ kiện...

- Tuyến ống dẫn nước thô:

Xây dựng 01 tuyến ống nước thô đường kính 2DN300mm dài khoảng 584m bơm lên cụm xử lý.

- Bể trộn và bể phản ứng:

- + So với lượng nước cần xử lý, lượng hóa chất sử dụng thường chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Mặt khác phản ứng của chúng lại xảy ra rất nhanh ngay sau khi tiếp xúc với nước. Vì vậy cần phải khuấy trộn để phân phối nhanh và đều hóa chất ngay sau khi chúng vào nước nhằm đạt hiệu quả xử lý cao nhất.
- + Bể trộn và bể phản ứng kiểu cơ khí, công suất thiết kế 10.000 (m³/ngày đêm), kết cấu bê tông cốt thép.
- + Lắp đặt hệ thống máy khuấy, cánh khuấy, đường ống, van khóa, phụ kiện...

- Bể lắng Lamen:

- + Nước từ bể phản ứng tự chảy vào bể lắng Lamen sẽ chuyển động giữa các bản vách ngăn hoặc ống lắng nghiêng theo hướng từ dưới đi lên. Trong quá trình này cặn sẽ lắng xuống bề mặt bản vách ngăn hoặc ống lắng nghiêng và trượt xuống theo chiều ngược lại. Các hạt cặn sẽ bám dính lại với nhau rơi xuống đáy bể và tập trung về hố thu cặn, từ đó theo chu kỳ xả đi. Nước trong đi lên được thu gom về mương dẫn nước đi sang bể lọc.
- + Bể lắng Lamen thiết kế cho công suất 10.000 (m³/ngày đêm), kết cấu bê tông cốt thép, hút bùn theo phương pháp siphong và xả cặn bằng thủy lực.

- Bể lọc Aquazur V:

- + Bể lọc Aquazur V tập hợp tất cả nguyên lý làm việc tốt của một thiết bị lọc và rửa lọc hiệu quả. Nước lọc được cấp liên tục vào bể lọc trong cả thời gian rửa để đảm bảo quét nước bề mặt, điều này là khác với các bể lọc thông thường không chịu sự tăng lưu lượng và vận tốc lọc trong thời gian rửa bể. Chiều cao lớp nước trên bề mặt bể lọc từ 1 – 2m nên tiết kiệm chiều cao xây dựng công trình, giảm kích thước xây dựng công trình. Bể lọc phù hợp với tốc độ lọc cao, lượng nước trên bề mặt giữ một áp suất dương đối với lớp vật liệu lọc (cát thạch anh) kéo dài trong chu trình lọc, tác dụng của dòng nước quét

bề mặt làm tăng hiệu quả rửa lọc, tiết kiệm nước rửa và tổn thất áp lực khi rửa lọc.

+ Bể lọc Aquazur V thiết kế với công suất 10.000 (m³/ngày đêm), kết cấu bê tông cốt thép, rửa lọc theo phương pháp gió nước kết hợp.

- *Bể chứa nước sạch:*

+ Bể chứa nước sạch có chức năng điều hòa lượng giữa nhu cầu dùng nước trên mạng lưới và chế độ bơm của trạm bơm cấp 1. Dung tích của bể chứa nước sạch sẽ dự kiến khoảng 10.000m³.

+ Bể chứa nước sạch xây dựng kiểu nửa chìm nửa nổi, kết cấu bê tông cốt thép.

- *Trạm bơm cấp 2:*

+ Trạm bơm cấp 2 đặt nửa chìm nửa nổi, kết cấu phần chìm dưới mặt đất bằng bê tông cốt thép, phần nổi trên mặt đất khung, mái bê tông cốt thép, tường gạch. Nhà trạm bơm cấp 2 được tính toán xây dựng để đáp ứng đủ cho nhu cầu phát triển tương lai với công suất tối đa 160.000 (m³/ngày đêm).

+ Lắp đặt 03 tổ máy bơm nước sạch (02 bơm hoạt động và 01 bơm dự phòng), Q=210 m³/h, H=50m H₂O đáp ứng công suất là 10.000 (m³/ngày đêm) và để sẵn các bộ chờ lắp bơm cho các giai đoạn phát triển trong tương lai. Lắp đặt hệ thống bơm rửa lọc, hệ thống máy cấp khí, hệ thống tủ điện động lực và điều khiển, hệ thống palăng nâng bơm, hệ thống đường ống, van khóa, phụ kiện...

+ Sử dụng công nghệ biến tần điều chỉnh số vòng quay của bánh xe công tác bơm cấp II để tiết kiệm điện năng, vì vậy việc vận hành nhà máy đảm bảo an toàn và tiết kiệm điện sẽ được Chủ đầu tư tính toán kỹ lưỡng trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành nhà máy sau này.

- *Nhà hóa chất:*

+ Nhà hóa chất có kết cấu khung, mái bê tông cốt thép, tường gạch và được tính toán xây dựng để đáp ứng đủ cho nhu cầu phát triển tương lai với công suất tối đa 160.000 (m³/ngày đêm).

+ Lắp đặt hệ thống hóa chất đáp ứng công suất giai đoạn 1 là 10.000 (m³/ngày đêm) và để sẵn các bộ chờ lắp đặt cho các giai đoạn phát triển trong tương lai bao gồm: hệ thống châm phèn, hệ thống châm clo, đường ống, van khóa, phụ kiện...

+ Việc vận chuyển Chlorine từ nơi cung cấp đến nhà máy sẽ được thực hiện bởi đơn vị cung cấp. Quy trình theo quy định tại thông tư 09/2016/TT-BKHCN và Thông tư 09/2018/TT-BKHCN của Bộ Khoa học Công nghệ.

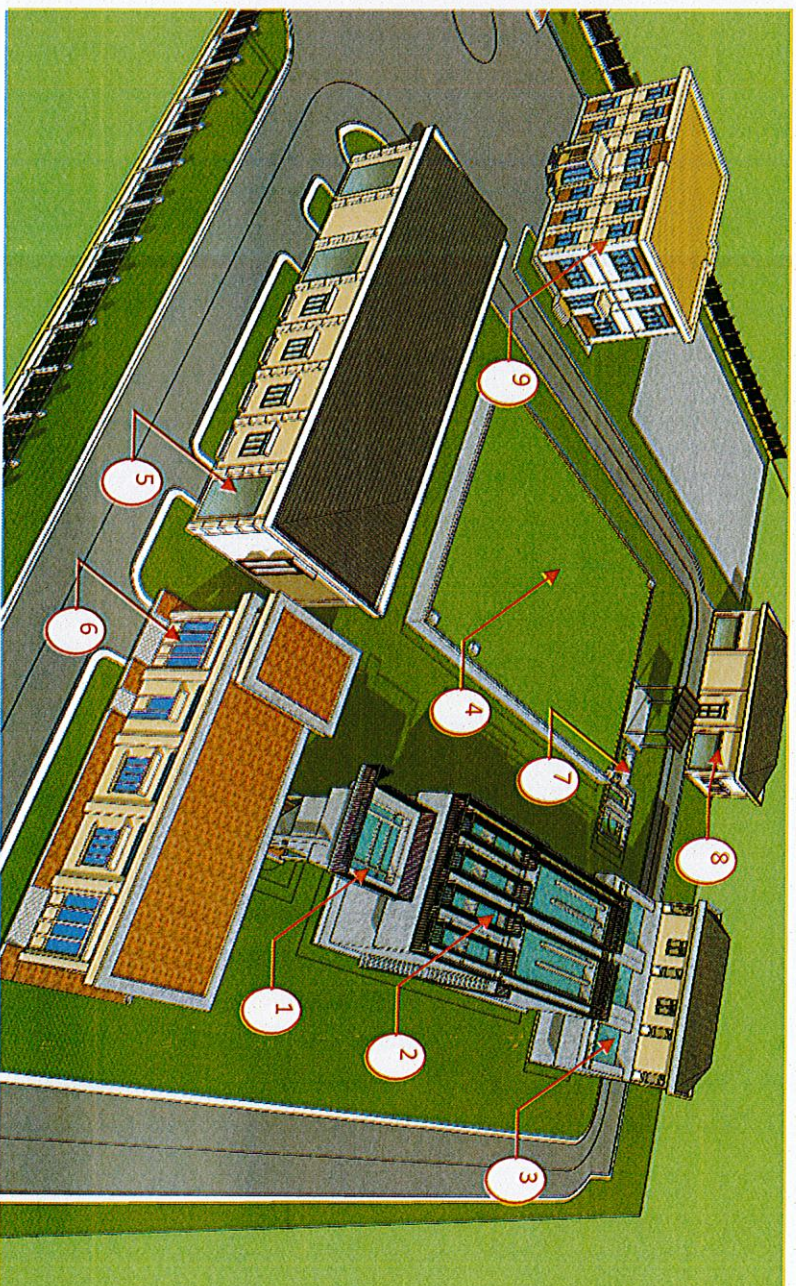
- *Xử lý nước rửa lọc và bùn cặn:*

Hệ thống xử lý nước rửa lọc và bùn cặn được thiết kế để đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Bùn cặn thải ra từ các công trình xử lý sẽ được đưa qua bể chứa bùn, bể lắng bùn, máy ép bùn để làm khô trước khi được vận chuyển đi.

+ *Các công trình phụ trợ khác:*

San nền, công tường rào, sân đường, cây xanh cảnh quan, thoát nước nội bộ trạm xử lý; nhà hành chính; nhà bảo vệ; nhà để xe; kho xưởng, trạm biến áp...

Mặt bằng nhà máy xử lý nước sạch dự kiến được thể hiện chi tiết ở hình.



Hình. Mặt bằng tổng thể nhà máy xử lý nước An Phú, Bình Tân dự kiến

Cụm xử lý nước mặt, gồm:

1. Bể trộn và phân chia lưu lượng
2. Bể phản ứng và lắng
3. Bể lọc
4. Bể nước sạch
5. Trạm bơm cấp 2 và rửa lọc
6. Nhà hóa chất
7. Bể nén bùn và máy ép bùn
8. Kho xường
9. Nhà hành chính

- Bảng tổng hợp các thiết bị chính dự kiến lắp đặt:

TT	Các thiết bị máy móc chính	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/Năm sx (Dự kiến)
I	Trạm bơm nước hồ				
1.1	Song chắn rác	Bộ	1	- Lưu lượng: 1250 - 1500(m ³ /h) - Bề rộng: 2000 (mm) - Vật liệu: SuS304	- Xuất xứ: Việt Nam - Tình trạng: Mới sx
1.2	Máy bơm nước thô	Bộ	3	- Bơm chìm nước thô - Lưu lượng: 210 (m ³ /h) - Cột áp: 40 (m)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
II	Trạm xử lý				
2.1	Máy bơm nước sạch ra mạng	Bộ	3	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 210 (m ³ /h) - Cột áp: 50 (m)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.2	Máy bơm rửa lọc	Bộ	2	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 200 (m ³ /h) - Cột áp: 15 (m) - Công suất: 45 (kW)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.3	Máy bơm bùn	Bộ	1	- Bơm ly tâm thả chìm - Lưu lượng: 5 (m ³ /h) - Cột áp: 10 (m) - Công suất: 0,75 (kW)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.4	Máy bơm nước kỹ thuật	Bộ	2	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 20 (m ³ /h) - Cột áp: 40 (m) - Công suất: 5,5 (kW)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.5	Máy thổi khí cấp gió rửa lọc	Bộ	1	- Lưu lượng: 19,9 (m ³ /ph) - Cột áp: 10 (m) - Công suất: 15 (kW)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu

TT	Các thiết bị máy móc chính	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/Năm sx (Dự kiến)
2.6	Bơm định lượng Vôi	Bộ	2	- Bơm định lượng - Công suất: 0,2 (kw) - Lưu lượng: 0-150 (l/h) - Cột áp: 40 (m)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.7	Bơm định lượng Phèn	Bộ	2	- Bơm định lượng - Công suất: 0,2 (kw) - Lưu lượng: 0-100 (l/h) - Cột áp: 40 (m)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.8	Bơm định lượng Polimer	Bộ	2	- Bơm định lượng - Lưu lượng: 0-50 (l/h) - Cột áp: 40 (m) - Công suất: 0,2 (kw)	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.9	Máy khuấy	Bộ	6	- Máy khuấy - Tốc độ: 150 v/ph - Công suất: 0,75 kw	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx
2.10	Bình nhựa	Bộ	6	- Bồn đứng, nhựa Composite	- Xuất xứ: Việt Nam - Tình trạng: Mới sx
2.11	Bộ khử trùng	Bộ	2	- Bao gồm bình clo, thiết bị định lượng, thiết bị chuyển đổi tự động, thiết bị điều chỉnh chân không, bơm nước kỹ thuật, thùng chứa nước sạch, bộ lọc, ejector...	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
2.12	Thiết bị gạt bùn bể lắng Lamella	Bộ	2	- Kiểu xi phong - Công suất: 2,5 kW	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx
2.13	Đồng hồ đo lưu lượng nước sạch	Bộ	1	- Loại đồng hồ điện từ - Công suất: 10.000 m3/ngđ	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
III	Phòng thí nghiệm				
3.1	Máy phân tích đa năng	Bộ	1		- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx

TT	Các thiết bị máy móc chính	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/Năm sx (Dự kiến)
					- Nhập khẩu
3.2	Máy đo PH	Bộ	1	- Thang đo: -2: 16 PH - Độ phân giải: 0,01 PH	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
3.3	Bộ test clo dư trong nước	Bộ	1	- Thang đo: 0: 2,5 mg/l - Độ phân giải: 0,01 mg/l	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
3.4	Máy đo độ đục	Bộ	1		- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
IV	Thiết bị điện				
4.1	Hệ thống điều khiển	Bộ	1	- Bao gồm: hệ thống điều khiển PLC, phần mềm SCADA, màn hình cảm ứng, máy tính điều khiển, bộ lưu điện UPS...	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu
4.2	Biến tần cho bơm nước sạch	Bộ	3	- Điện áp vào: 3 pha/380V AC - Điện áp ra: 3 pha/380V AC - Tín hiệu điều khiển: 0-10V DC - Công suất: 15kW	- Xuất xứ: Châu Âu/Á - Tình trạng: Mới sx - Nhập khẩu

- Tuyến ống dẫn nước sạch, phân phối và dịch vụ:

- Xây dựng mới tuyến ống truyền tải nước sạch từ nhà máy đến các khu vực trong phạm vi cung cấp. Mạng lưới truyền tải sẽ bám theo các trục giao thông hiện trạng chính của huyện, xã nhằm nghiên cứu kết nối gắn kết mạng cấp nước giữa các khu đô thị, nông thôn và khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Các mạng lưới cấp nước được tính toán, lắp đặt theo cấu trúc hợp lý đảm bảo phân vùng tách mạng để quản lý vận hành có hiệu quả, chống thất thoát thất thu. Đảm bảo lưu lượng và áp lực cấp nước đến các điểm xa nhất phải đảm bảo áp lực tối thiểu 8-10m.

- Dự kiến lắp đặt khoảng 20.000 đồng hồ đo nước sạch cho 20.000 hộ gia đình có nhu cầu dùng nước.

Tuyến ống sẽ được chia làm 3 tuyến chính như sau:

- **Tuyến số 1:** Tuyến ống đường kính DN200-400mm, có chiều dài khoảng 14km để cấp nước cho **xã Đông Sơn** (bao gồm khu vực các xã Tĩnh Hòa, Bình Châu, Bình Tân Phú cũ) và **xã Tĩnh Khê** (bao gồm khu vực các xã Tĩnh Kỳ, Tĩnh Khê cũ và KĐT&DL Mỹ Khê). Hệ thống đường ống cấp nước khu vực với đường kính Ø100-Ø300 đi dọc theo các trục đường, cấp nước đến các khu chức năng. Quy cách, đường kính ống sẽ chuẩn xác trong quá trình lập phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- **Tuyến số 2:** Tuyến ống chạy theo đường quy hoạch Dốc Sỏi-Hoàng Sa (D3), có chiều dài khoảng 19km sử dụng ống đường kính **Ø300÷ Ø800mm và 2Ø600÷2Ø800** (Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi theo quy hoạch được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số168/QĐ-TTg). Cấp cho Khu vực phường Trương Quang Trọng (khu vực xã Tĩnh An, Tĩnh An Đông cũ), KCN Dung Quất 2, KCN đô thị Bình Thanh (thuộc địa phận **xã Đông Sơn**) và khu đô thị thuộc **xã Bình Sơn, Đông Sơn, xã Tĩnh Khê** (bao gồm khu vực các xã Tĩnh Long, Tĩnh Châu cũ), Thọ Phong và Bổ sung nguồn nước cho các KCN trên địa bàn KTT Dung Quất. Hệ thống đường ống cấp nước khu vực với đường kính Ø100-Ø300 đi dọc theo các trục đường, cấp nước đến các khu chức năng. Quy cách, đường kính, chiều dài ống sẽ chuẩn xác trong quá trình lập phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- **Tuyến số 3:** Tuyến ống đường kính DN300-800mm, có chiều dài khoảng 38km, có nhiệm vụ cấp nước **xã An Phú** (khu vực các xã An Phú, Nghĩa Hà cũ), các khu vực thuộc **xã Tư Nghĩa** (Nghĩa Hòa, Nghĩa Thương cũ) và **xã Vệ Giang** (Nghĩa Hiệp cũ), và dọc tuyến đường Sa Huỳnh- Dung Quất (qua địa phận huyện Mộ Đức và Thị xã Đức Phổ). Quy cách, đường kính ống sẽ chuẩn xác trong quá trình lập phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Bảng tổng hợp khối lượng mạng lưới cấp nước giai đoạn 1 dự kiến như sau :

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
I	Các trục truyền tải và phân phối		
1	Ống HDPE DN600-DN800 & phụ tùng trên tuyến	m	30.300
2	Ống HDPE DN500 & phụ tùng trên tuyến	m	7.400
3	Ống HDPE DN315 & phụ tùng trên tuyến	m	7.015
4	Ống HDPE DN250 & phụ tùng trên tuyến	m	3.080
6	Ống HDPE DN200 & phụ tùng trên tuyến	m	1.650
7	Ống HDPE DN160 & phụ tùng trên tuyến	m	2.200

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
8	Ống HDPE DN110 & phụ tùng trên tuyến	m	2.200
II	Các tuyến dịch vụ		
1	Ống HDPE DN90 & phụ tùng trên tuyến	m	1.000
2	Ống HDPE DN75 & phụ tùng trên tuyến	m	1.500
3	Ống HDPE DN63 & phụ tùng trên tuyến	m	4.000
4	Ống HDPE DN50 & phụ tùng trên tuyến	m	4.000
III	Điểm đầu nối nước (đồng hồ nước sạch)	Điểm	20.000

Bảng tổng hợp khối lượng mạng lưới cấp nước giai đoạn 1 dự kiến như sau :

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
I	Các trục truyền tải và phân phối		
1	Ống HDPE DN600-DN800 & phụ tùng trên tuyến	m	50.500
2	Ống HDPE DN500 & phụ tùng trên tuyến	m	10.400
3	Ống HDPE DN315 & phụ tùng trên tuyến	m	10.015
4	Ống HDPE DN250 & phụ tùng trên tuyến	m	9.080
6	Ống HDPE DN200 & phụ tùng trên tuyến	m	8.650
7	Ống HDPE DN160 & phụ tùng trên tuyến	m	8.200
8	Ống HDPE DN110 & phụ tùng trên tuyến	m	8.200
II	Các tuyến dịch vụ		
1	Ống HDPE DN90 & phụ tùng trên tuyến	m	1.000
2	Ống HDPE DN75 & phụ tùng trên tuyến	m	1.500
3	Ống HDPE DN63 & phụ tùng trên tuyến	m	4.000
4	Ống HDPE DN50 & phụ tùng trên tuyến	m	4.000

(Sẽ chuẩn xác trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư)

1.5. Vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của dự án dự kiến là **2.193.400.000.000 đ** (Hai nghìn một trăm chín mươi ba tỷ, bốn trăm triệu đồng). Trong đó:

- Giai đoạn 1:

+ Nhà máy nước Bình Tân với tổng mức đầu tư khoảng: **322.000.000.000đ**
(Ba trăm hai mươi hai tỷ đồng).

+ Nhà máy nước An Phú: với tổng mức đầu tư khoảng: **1.081.700.000.000đ**
(Một nghìn không trăm tám mươi một tỷ, bảy trăm triệu đồng).

- Giai đoạn 2: với tổng mức đầu tư khoảng: **789.700.000.000đ** (Bảy trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm triệu đồng). Tổng mức giai đoạn 2 giá trị sẽ phụ thuộc vào quy mô và đơn giá tại thời điểm đầu tư.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ KIẾN

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giai đoạn 1: Hệ thống cấp nước Bình Tân			Giai đoạn 1: Hệ thống cấp nước An Phú - Năm 2030			Giai đoạn 2: Hệ thống cấp nước Trà Khúc - Năm 2040			Tổng chi phí dự án		
		Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế
I	Chi phí đền bù GPMB	22.000		22.000	-		-			-	22.000	-	22.000
II	Chi phí xây dựng	207.203	20.720	227.923	783.260	78.326	861.585	579.998	58.000	637.998	1.570.461	157.046	1.727.507
II.1	Phần công trình nguồn	48.996	4.900	53.895	39.816	3.982	43.797	40.152	4.015	44.167	128.963	12.896	141.859
II.2	Trạm xử lý	60.109	6.011	66.119	158.632	15.863	174.495	239.903	23.990	263.893	458.643	45.864	504.508
II.3	Phân tuyến ống	98.099	9.810	107.909	584.812	58.481	643.293	299.944	29.994	329.938	982.854	98.285	1.081.140
III	Chi phí thiết bị	15.289	1.529	16.818	25.948	2.595	28.543	34.132	3.413	37.545	75.369	7.537	82.906
IV	Chi phí quản lý dự án	3.423		3.423	8.701		8.701	7.544		7.544	19.668	-	19.668
V	Chi phí tư vấn xây dựng	17.847	1.785	19.631	31.162	3.116	34.278	27.232	2.723	29.955	76.240	7.624	83.864
V.1	Chi phí khảo sát	7.500	750	8.250	8.800	880	9.680	7.800	780	8.580	24.100	2.410	26.510
V.2	Báo cáo chủ trương	245	24	269	600	60	660	504	50	554	1.349	135	1.484
V.3	BCNC Khả thi	611	61	673	1.501	150	1.651	1.260	126	1.386	3.372	337	3.709
V.4	Chi phí đánh giá tác động môi trường	856	86	942	956	96	1.052	-	-	-	1.812	181	1.993
V.5	Thẩm tra BCNCKT	130	13	143	276	28	304	223	22	245	629	63	691
V.6	Thiết kế kỹ thuật	4.085	408	4.493	11.120	1.112	12.232	9.348	935	10.283	24.553	2.455	27.008
V.7	Thẩm tra TKKT	157	16	172	370	37	408	330	33	363	857	86	943

STT	Khoản mục chi phí	Giai đoạn 1: Hệ thống cấp nước Bình Tân			Giai đoạn 1: Hệ thống cấp nước An Phú - Năm 2030			Giai đoạn 2: Hệ thống cấp nước Trà Khúc - Năm 2040			Tổng chi phí dự án		
		Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế
V.8	Thẩm tra Tổng dự toán	148	15	163	354	35	389	314	31	345	816	82	898
V.9	Giám sát Kỹ thuật	2.468	247	2.715	4.997	500	5.497	5.202	520	5.722	12.667	1.267	13.934
V.10	Lập HSMST, đánh giá HSDT	783	78	861	438	44	482	430	43	473	1.651	165	1.817
V.11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	864	86	950	1.749	175	1.924	1.821	182	2.003	4.434	443	4.877
VI	Chi phí khác	2.421	242	2.663	6.681	668	7.349	4.379	438	4.817	13.481	1.348	14.829
VI.1	Thẩm định PCCC	150	15	165	200	20	220	150	15	165	500	50	550
VI.2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	30	3	33	93	9	102	23	2	26	147	15	161
VI.3	Chi phí tư vấn kiểm toán	926	93	1.018	2.563	256	2.820	1.104	110	1.214	4.593	459	5.052
VI.4	Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	103	10	113	242	24	266	218	22	240	563	56	619
VI.5	Lệ phí thẩm định tổng dự toán	97	10	107	233	23	257	207	21	228	537	54	591
VI.6	Chi phí bảo hiểm công trình	622	62	684	2.350	235	2.585	1.740	174	1.914	4.711	471	5.183
VI.7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	494	49	543	999	100	1.099	936	94	1.030	2.429	243	2.672
VII	Chi phí dự phòng	26.818	2.682	29.500	128.363	12.836	141.199	65.328	6.533	71.861	220.509	22.051	242.560
	Tổng chi phí (làm tròn)	295.000	27.000	322.000	984.100	97.500	1.081.700	718.600	71.100	789.700	1.997.700	195.600	2.193.400

1.6. Nguồn vốn đầu tư và Phương án huy động:

Cơ cấu vốn của dự án được xây dựng trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa vốn chủ sở hữu và vốn huy động để đảm bảo tính chủ động và khả thi về tài chính.

- Vốn góp (Vốn chủ sở hữu):

+ Liên danh nhà đầu tư cam kết góp **80.000.000.000 VNĐ** (Tám mươi tỷ đồng) vốn tự có để thực hiện Giai đoạn 1 của dự án.

+ Tiến độ góp vốn sẽ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và bám sát tiến độ triển khai thực tế của dự án.

- **Vốn huy động:** Phần vốn còn lại sẽ được huy động từ các khoản vay của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng uy tín.

1.7. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

Dự án hoạt động trong vòng 50 năm kể từ ngày được cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án và được gia hạn theo quy định của Pháp luật.

1.8. Tiến độ thực hiện dự án:

Một lộ trình chi tiết và khoa học đã được vạch ra để đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ, hiệu quả và đồng bộ.

a) Giai đoạn Chuẩn bị Đầu tư (2025 – 2027):

- **Quý III-IV/2025:** Hoàn thiện thủ tục pháp lý để được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- **Quý I-II/2026:** Hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS). Hoàn thành các thủ tục về đất đai,

- **Quý III/2026-Quý I/2027:** Hoàn tất thiết kế bản vẽ thi công, xin giấy phép xây dựng và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây lắp.

b) Giai đoạn Thực hiện Đầu tư (2027 – 2041):

*** Giai đoạn 1:**

- Nhà Máy nước Bình Tân

+ Khởi công: **Quý II/2027.**

+ Thi công xây lắp: Từ **Quý II/2027** đến **Quý III/2029.**

+ Vận hành và chạy thử: **Quý IV/2029.**

- Nhà Máy nước An Phú

+ Khởi công xây dựng: **Quý II/2028.**

+ Thời gian thi công: Từ **Quý II/2028** đến **Quý III/2030.**

+ Vận hành, chạy thử và đưa vào khai thác: **Quý IV/2030.**

- Giai đoạn 2:

+ Khởi công: **Quý IV/2038.**

+ Thi công xây lắp: Từ **Quý IV/2038** đến **Quý II/2041.**

+ Vận hành và chạy thử: **Quý III/2041.**

Bảng kế hoạch tiến độ dự kiến thực hiện Dự án

Stt	Hạng mục	Thời gian															
		Năm 2025				Năm 2026				Năm 2027				Năm 2029			
		Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2
1	Hoàn thiện thủ tục pháp lý																
2	Lập lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) và thủ tục đất đai																
3	Hoàn tất thiết kế bản vẽ thi công, xin giấy phép xây dựng và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây lắp																
4	Thi công xây dựng và lắp đặt công trình giai đoạn 1																
5	Vận hành chạy thử giai đoạn 1																
6	Khởi công xây dựng giai đoạn 2																
7	Vận hành chạy thử giai đoạn 2																
8	Khởi công xây dựng giai đoạn 3																
9	Vận hành chạy thử giai đoạn 3																

2. Đề xuất sử dụng đất:

a. Vị trí và Quy hoạch sử dụng đất

- **Vị trí nhà máy nước An Phú:** Khu vực dự kiến đặt nhà máy thuộc phường Trương Quang Trọng, (bao gồm khu vực xã Tịnh An cũ). Vị trí này có các ranh giới tiếp giáp chiến lược:

STT	X	Y
1	1675132.5	589475.05
2	1675115.3	589577.32
3	1675103.4	589601.01
4	1675130.2	589636.60
5	1675072.5	589680.04
6	1674922.2	589477.25
7	1674982.5	589437.39
8	1675014.3	589482.23

- **Vị trí nhà máy nước Bình Tân:** Khu vực dự kiến đặt nhà máy thuộc xã Đông Sơn, (bao gồm khu vực xã Tịnh Hòa cũ). Vị trí Nhà máy cấp nước có diện tích 4,8ha, có tọa độ VN2000 dự kiến (Đất dự trữ phát triển)

STT	X	Y
1	1683229.87	593495.58
2	1683230.74	593508.49
3	1683110.50	593700.08
4	1682950.00	593533.36
5	1683115.55	593358.74

- Tổng diện tích đất dự kiến cho toàn bộ dự án (02 giai đoạn) là **53 ha**, trong đó:

- + **Đất xây dựng Nhà máy nước (03 nhà máy):** 15 ha.
 - + **Đất cho hành lang Tuyến ống chính (cả 02 giai đoạn):** 38 ha.
- (Sẽ chuẩn xác trong quá trình lập và phê duyệt dự án)

b. Kế hoạch và Cam kết về Thủ tục Đất đai

Liên danh nhà đầu tư cam kết tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc mọi quy định của pháp luật về đất đai trong suốt quá trình triển khai dự án. Lộ trình thực hiện các thủ tục đất đai được dự kiến như sau:

b.1. Giai đoạn chuẩn bị: Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Liên danh nhà đầu tư sẽ khẩn trương liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

b.2. Thực hiện thủ tục pháp lý: Chủ động làm việc để tiến hành các thủ tục cần thiết theo đúng quy định hiện hành, bao gồm:

- + Thủ tục giao đất, cho thuê đất.
- + Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

b.3. Phương án giải phóng mặt bằng: Nhà đầu tư sẽ tự liên hệ và thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trực tiếp với các hộ dân có đất trong

phạm vi dự án, đảm bảo sự công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của người dân.

3. Nhu cầu về lao động:

- Tổng số lao động trong nước dự kiến là 22 (người). Trong đó:

+ Quản lý doanh nghiệp: 04 (người), lao động trình độ từ Đại học trở lên.

+ Nhân viên bán hàng và ghi thu: 02 (người), lao động trình độ từ cao đẳng trở lên.

+ Công nhân vận hành nhà máy: 14 (người), lao động tay nghề từ bậc 4/7 trở lên.

+ Công nhân phân xưởng, sửa chữa: 02 (người), lao động tay nghề từ bậc 4/7 trở lên.

- Chủ đầu tư cam kết Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật lao động, Luật bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động

4. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

4.1. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất:

- Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước là phù hợp với quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và phù hợp với quy hoạch xây dựng của tỉnh Quảng Ngãi.

- Dự án tập trung khai thác nguồn nước mặt nhằm thay thế các nguồn nước đã được khai thác tại khu vực lâu nay chưa hợp vệ sinh. Việc sử dụng nguồn nước mặt trong khu vực quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Đảng, Nhà nước và tỉnh Quảng Ngãi cũng như tạo nguồn nước sạch an toàn cho người dân.

4.2. Đánh giá tác động của dự án với phát triển kinh tế - xã hội:

- Đảm bảo thay thế toàn bộ nguồn nước ngầm vốn đã được khai thác lâu nay tại khu vực dự án phù hợp với mục tiêu bảo vệ nguồn nước ngầm của Đảng, Nhà nước và tỉnh Quảng Ngãi.

- Đóng góp cho ngân sách địa phương nơi doanh nghiệp dự kiến đặt trụ sở.

- Góp phần giải quyết một phần nhu cầu việc làm cho người lao động tại địa phương.

4.3. Đánh giá sơ bộ tác động của dự án tới môi trường:

- Dự án thuộc lĩnh vực cung cấp nước sạch nên không có tác động xấu tới môi trường, các chất thải ra môi trường chủ yếu là bùn thải phát sinh từ công tác xử lý nước xả của bể lắng và bể lọc. Bùn thải sau khi được tách nước là loại bùn sử dụng rất tốt cho nông nghiệp, sẽ được lưu trữ và vận chuyển đến nơi quy định để chôn lấp.

Nhà đầu tư cam kết sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về việc cấp phép, giám sát, đảm bảo vệ sinh môi trường trong công tác lưu trữ, vận chuyển, và địa điểm tập kết bùn thải,

- Hóa chất sử dụng trong dây chuyền công nghệ chủ yếu:

+ Hóa chất PAC (Phèn nhôm) dạng bột hoặc lỏng, tương ứng với công suất nước giai đoạn 1 là: Nhà máy nước Bình Tân 10.000m³/ngày đêm, Nhà máy nước An Phú là 30.000m³/ng.đ và giai đoạn 2 160.000m³/ng.đ lượng hóa chất PAC sử dụng đạt khoảng 250kg/ng.đ. Lượng PAC này được lưu trữ trong nhà kho riêng biệt, hoặc bồn chứa đủ để phục vụ sản xuất trong vòng tối thiểu 1 tháng. Khu vực lưu trữ hóa chất PAC đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn vệ sinh môi trường theo Quy định.

+ Hóa chất Clo: Với công suất nước giai đoạn 1: Nhà máy nước Bình Tân 10.000m³/ngày đêm, Nhà máy nước An Phú là 30.000m³/ng.đ và giai đoạn 2 nâng công suất lên 160.000m³/ng.đ, lượng hóa chất Clo sử dụng tối đa 50kg/ng.đ. Clo dạng lỏng được lưu trữ trong hệ thống các bình chứa chuyên dụng, được đặt trong nhà bao che riêng biệt có trang bị hệ thống cảm biến và xử lý rò rỉ hiện đại. Công tác kiểm tra an toàn của hệ thống Clo được thực hiện thường xuyên theo định kỳ và được nghiệm thu của các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, doanh nghiệp sẽ tiến hành liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện lập Báo cáo cam kết bảo vệ môi trường theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án:

- Dự án thu hút được nguồn vốn đầu tư từ xã hội, giảm áp lực lên ngân sách Nhà nước nhờ đó góp phần đẩy mạnh hoạt động đầu tư của toàn Tỉnh, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội.

- Dự án đem lại lợi ích cho người dân được sử dụng nguồn nước sạch từ nguồn nước mặt đã qua xử lý theo quy hoạch của tỉnh.

- Dự án được đánh giá đem lại hiệu quả kinh tế lâu dài cho nhà đầu tư với các chỉ tiêu chính dự kiến cho giai đoạn 1 như sau:

+ Suất vốn đầu tư: 32.100.000đ/m³.

+ Dự kiến hiện giá ròng NPV dự án là: 17.412 triệu đồng, IRR=12%

+ Thời gian hoàn vốn có chiết khấu khoảng: 9,20 (năm)

4.5. Đánh giá tác động của dự án tới an ninh - quốc phòng: Địa điểm đầu tư dự án nằm trong quy hoạch khu vực khai thác nguồn nước mặt đã được phê duyệt của Tỉnh, không ảnh hưởng đến an ninh - quốc phòng.

5. Sự phù hợp với quy hoạch và định hướng cấp nước đô thị và công nghiệp.

5.1 Theo quy hoạch chung.

Phù hợp với Quy hoạch chung của tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5.2. Theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

- Phù hợp với Quy hoạch phân khu TL1/2000 Khu công nghiệp, đô thị dịch vụ Bình Thạnh đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 10/10/2023. Cơ bản phù hợp Quy hoạch phân khu

TL1/2000 Khu công nghiệp, đô thị dịch vụ Tây Bắc Dung Quất đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 09/6/2025

- Phù hợp với Quy hoạch phân khu TL1/2000 phần còn lại phía Bắc thành Phố Quảng Ngãi đã được UBND thành phố Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 07/12/2022.

5.3 Theo quy hoạch cấp nước.

Theo quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 mục tiêu như sau:

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, thông qua việc quản lý công tác vận hành và kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch.

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch cấp nước trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

- Làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước các đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5.4 Định hướng phát triển cấp nước đô thị và công nghiệp .

Theo quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của thủ tướng về việc Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 mục tiêu như sau:

- Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể có tính đến biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng vào năm 2025.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày vào năm 2025.

- Đến năm 2050: Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

Như vậy, việc thực hiện triển khai dự án "Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ khu kinh tế Dung Quất và các xã, phường lân cận" hoàn toàn đáp ứng theo mục tiêu quy hoạch cấp nước của tỉnh Quảng Ngãi và định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp như: Đáp ứng yêu cầu quản lý nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Tăng tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và hướng tới đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt cho đô thị và khu công nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Khoản 1 điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/2/2016 của Bộ Tài chính: Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới. Công ty đề xuất được hưởng các ưu đãi này;

+ Khoản 2 điều 4, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 2 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn (phục vụ cấp nước cho xã Đông Sơn, Tỉnh Khê thuộc giai đoạn 1 của dự án);

+ Điều 8 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Theo mục III phụ lục II- Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ và mục 3 điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Công ty đề xuất được hưởng các ưu đãi này;

- Theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Khoản 3, Điều 30, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

+ Điểm c, khoản 5, điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

+ Theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Hỗ trợ đầu tư: Theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Cam kết và kiến nghị của nhà đầu tư:

a. Cam kết của nhà đầu tư:

- Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư

- Chấp hành nghiêm các Quy định của Pháp luật Việt Nam và các Quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b. Kiến nghị của nhà đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước là một dự án mang ý nghĩa quan trọng với chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường,

mang lại hiệu quả về Kinh tế - Xã hội cho khu vực hưởng lợi từ dự án. Dự án sẽ đáp ứng nhu cầu về nước sạch của nhân dân trên địa bàn, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tỉnh.

Kính đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

NHÀ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN
XUẤT & THƯƠNG MẠI N.I.D**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Hồng Kỳ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH
VỤ CẤP NƯỚC SA HUỖNH**



Hà Thị Thu Trang